TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 15-5-2020
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Minh Châu.
Các thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Văn Son;

2. Bà Phạm Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Châu, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 473/2019/TLPT- HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung".

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 76/2019/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2019/QĐXX-PT ngày 12 tháng 02 năm 2020; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thanh P, sinh năm: 1980; địa chỉ cư trú: Ấp P, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm: 1978; địa chỉ cư trú: Ấp P, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung của bản án sơ thẩm, nguyên đơn trình bày: Bà P và ông D tự nguyện chung sống từ năm 2000; đến năm 2002 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Nhiều năm gần đây, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn tiền bạc, ông D thường xuyên uống rượu về nhà gây gỗ đánh đập, chửi mắng xúc phạm danh dự của bà và thường đuổi đi; nên bà bỏ về nhà em gái hoặc nhà cha mẹ đẻ để sống. Ngày 04-7-2019 âm lịch, ông D uống rượu về chửi mắng, bà bỏ nhà đi đến nay; ông D có tìm gặp và năn nỉ về nhưng bà không đồng ý. Vợ chồng không tình cảm, bà không thể tiếp tục chung sống, nên bà yêu cầu ly hôn với ông D.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Thị Tuyết M, sinh ngày 02-5-2001; Nguyễn Chí P2, sinh ngày 06-02-2003 đều đang sống cùng ông D. Cháu M

đủ 18 tuổi không yêu cầu giải quyết, bà P có yêu cầu nuôi cháu P2, không yêu cầu cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày: Ông thừa nhận thời gian chung sống, kết hôn, ly thân như bà P trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn bà P trình bày không đúng. Ông D làm nghề nông, trồng bông thiên lý, chăn nuôi trang trại baba, chồn hương; hàng ngày đi làm vất vả nhưng ông luôn yêu thương, chiều chuộng bà P, ông để bà quản lý tiền bạc, chăm lo con cái, không để bà chịu cực khổ. Ông không thường uống rượu, uống rượu khi nhà có tiệc. Khi con còn nhỏ, vợ chồng gây gỗ ông có nóng tính, dùng tay đánh bà P một bạt tai. Thời gian gần đây do thất mùa, vợ chồng túng thiếu tiền, ông đề nghị bán đất, bà P không chịu, vợ chồng cãi nhau; bà Phương bỏ nhà đi. Ngày 04-7-2019 âm lịch, ông say rượu có xúc phạm bà P, ông nhận lỗi nhưng bà P không chấp nhận. Bà P bỏ nhà đi từ ngày 04-7-2019 âm lịch đến nay, vợ chồng có gặp nói chuyện, bà P xin ông số tiền10.000.000 đồng đi thẩm mỹ, ông đồng ý. Ông D có xin cơ hội để thay đổi; ông xác định còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn.

Con chung: Vợ chồng có 02 người con chung như bà P trình bày. Con chung Nguyễn Thị Tuyết M đủ 18 tuổi không yêu cầu giải quyết; con chung ; Nguyễn Chí P2, sinh ngày: 06-02-2003; ông D yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của con; ai nuôi có trách nhiệm nuôi dưỡng, ông không yêu cầu cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số: 76/2019/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266, 267, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Thanh P đối với ông Nguyễn Văn D.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị Thanh P phải chịu số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí bà P đã nộp theo biên lai thu số 0003585 ngày 09-8-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; bà P đã nộp xong.

Bản án tuyên quyền kháng cáo theo pháp luật quy định.

Ngày 01/11/2019, nguyên đơn có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu ly hôn.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị đơn tự nguyện thuận tình ly hôn và đồng ý giao con chung Nguyễn Chí P2, sinh ngày: 06-02-2003 cho bà P nuôi dưỡng, chăm sóc; bị đơn không cấp dưỡng nuôi con chung.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh trình bày ý kiến như sau:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; sửa bản án sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về hôn nhân và nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo yêu cầu được ly hôn của nguyên đơn:

Xét thấy, bà P và ông D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Bà P trình bày, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tiền bạc, ông D uống rượu đánh đập, chửi mắng, xúc phạm danh dự nên bà thường bỏ nhà đi, ngoài ra không có lý do khác. Qua xác minh, chính quyền địa phương đã xác định, việc đánh đập của ông D chưa được giải quyết lần nào; như vậy những mâu thuẫn bà P trình bày là không nghiêm trọng, có thể giải quyết được trong cuộc sống hôn nhân. Mặt khác, bà P đã xác nhận trong thời gian bỏ nhà đi, ông D có năn nỉ bà về để đoàn tụ vợ chồng; bà có xin tiền ông D để đi thẩm mỹ. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông D đã nhìn nhận lỗi lầm về mình, tha thiết được đoàn tụ; như vậy vợ chồng tình cảm vẫn còn. Do đó hôn nhân có thể hàn gắn được; nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P là có căn cứ.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; yêu cầu được ly hôn với ông D và được nuôi con chung Nguyễn Chí P2, sinh ngày 06-02-2003 và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông D chấp nhận yêu cầu ly hôn và đồng ý giao con chung Nguyễn Chí P2, sinh ngày 06-02-2003 cho bà P nuôi dưỡng, chăm sóc; ông không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy quá trình giải quyết vụ án, cháu P2 có nguyện vọng được sống chung với cha; tuy nhiên để bảo đảm quyền lợi cho cháu P2 ổn định về mặt tinh thần, do đó việc tự nguyện thuận tình ly hôn và thỏa thuận về con chung của ông bà là phù hợp, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên ghi nhận.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh sửa bản án sơ thẩm là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Căn cứ Khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nguyên đơn phải chịu số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2, Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sửa Bản án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm số: 76/2019/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh

Căn cứ Điều 55, 81,82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 300; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27; khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

1. Hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị Thanh P và ông Nguyễn Văn D.

2. Con chung: Giao con chung Nguyễn Chí P2, sinh ngày: 06-02-2003 cho bà Phạm Thị Thanh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3.Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị Thanh P phải chịu số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; được khấu trừ theo Biên lai thu số 0003585 ngày 09-8-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; ghi nhận bà P đã nộp xong.

5. Án phí Hôn nhân&Gia đình phúc thẩm: Bà Phạm Thị Thanh P phải chịu số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; được khấu trừ theo Biên lai thu số 0003854 ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự; ghi nhận bà P nộp xong.

6. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKS tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADSH. huyện D;
- TAND huyện D;
- Các đương sự;
-Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ, tập án,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Thanh Minh Châu